

Số: 11 /NQ-HĐND

Thanh Trị, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về bổ sung, điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm
giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 783/TTr-UBND ngày 16/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận và thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí bổ sung, điều chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025
- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương với tổng số vốn là **9.380** triệu đồng.

- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất với tổng số vốn là **226** triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương với tổng số vốn là **2.130** triệu đồng.

3. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương với tổng số vốn là **7.250** triệu đồng, dự kiến bổ sung 03 danh mục công trình cần thiết, cấp bách.

- Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất với tổng số vốn là **226** triệu đồng, dự kiến bổ sung kế hoạch vốn vào 01 danh mục công trình đang triển khai thực hiện năm 2023 (02 nguồn vốn).

(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)

4. Điều chỉnh nguồn kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Nguồn kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị là nguồn vốn kết dư ngân sách huyện.

Nay đổi thành nguồn vốn ngân sách huyện.

5. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số do điều chỉnh (giảm, tăng) quy mô đầu tư một số dự án

- Giảm 188,724 triệu đồng.

- Tăng 188,724 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm)

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Khi có điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công. Quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện nếu có điều chỉnh, bổ sung phải thông báo cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện trong kỳ họp gần nhất để điều chỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này bổ sung Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021; đồng thời thay thế Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị.



Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị khóa XII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND - UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện ủy - TT.UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- Các Ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- HĐND và UBND các xã (TT);
- Lưu: VT-NC.



CHỦ TỊCH

Sơn Sương



CHI TIẾT DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số: 111/NQ-HĐND ngày 30/10/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
	Tổng số		141.463	141.463	7.476	2.130	9.606	141.463	141.463	
*	Nguồn cân đối ngân sách huyện		124.063	124.063	7.250	2.130	9.380	124.063	124.063	
I	Kế hoạch năm 2021		22.009	22.009	0	0	0	22.009	22.009	
1	Lộ cống sau nhà ông Thống, ấp 1	thị trấn Phú Lộc	537	537				537	537	
2	Lộ Ông Cuội nối tiếp (ấp Thạnh Điền)	thị trấn Phú Lộc	161	161				161	161	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
3	Lộ từ nhà Liêu Sơn đến nhà Thạch Thị Xoàn	thị trấn Hưng Lợi	826	826				826	826	
4	Cầu Trụ sở ấp Tràm Kiển	xã Châu Hưng	962	962				962	962	
5	Lộ Ông Đàn - ông Bắc	xã Vĩnh Thành	1.121	1.121				1.121	1.121	
6	Lộ từ nhà Út nghĩa đến nhà ông Bảy Cười	xã Thạnh Trị	1.152	1.152				1.152	1.152	
7	Lộ Rạch Chóc	xã Tuân Tứ	985	985				985	985	
8	Lộ Tân Lộc - Kiệt Nhất B (nhà ông Khuê)	xã Lâm Tân	880	880				880	880	
9	Lộ từ công Kiệt Lợi số 09 đến công Kiệt Lợi số 10	xã Lâm Kiệt	638	638				638	638	
10	Lộ từ công Kiệt Lợi số 10 đến giáp Lâm Tân	xã Lâm Kiệt	636	636				636	636	
11	Nhà SHCĐ ấp Kinh Ngay 1	thị trấn Hưng Lợi	317	317				317	317	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
12	Hội trường UBND xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi	2.500	2.500				2.500	2.500	
13	SLMB khu hành chính UBND huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	992	992				992	992	
14	Kho lưu trữ UBND huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	2.000	2.000				2.000	2.000	
15	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành	1.072	1.072				1.072	1.072	
16	SLMB Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Lâm Kiết	xã Lâm Kiết	1.102	1.102				1.102	1.102	
17	Trụ sở UBND xã Thạnh Tân	xã Thạnh Tân	266	266				266	266	
18	Trụ sở UBND xã Tuân Tức	xã Tuân Tức	367	367				367	367	
19	Trụ sở Đảng ủy, UBND thị trấn Phú Lộc	thị trấn Phú Lộc	408	408				408	408	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
20	Xây dựng rãnh thoát nước, vỉa hè đường Trần Văn Bảy	thị trấn Phú Lộc	3.814	3.814				3.814	3.814	
21	Hàng rào phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, huyện Thạnh Trị	thị trấn Phú Lộc	996	996				996	996	
22	Cầu nhà ông Lâm Kel - lộ Xóm Tro 1	thị trấn Hưng Lợi	277	277				277	277	
II	Kế hoạch năm 2022		22.009	22.009	0	0	0	22.009	22.009	
23	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng 05 ấp: ấp 3, ấp Nàng Rền; ấp Rẫy Mới; Công Điền; Bào Lớn	TT Phú Lộc	1.873	1.873		0	0	1.873	1.873	
23.1	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nàng Rền, Bào Lớn	TT Phú Lộc	813	813				813	813	
23.2	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 3, Rẫy Mới, Công Điền	TT Phú Lộc	1.060	1.060				1.060	1.060	
24	Via hè khu vực ấp 3	TT Phú Lộc	890	890				890	890	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
25	Nâng cấp hẻm 8	TT Phú Lộc	1.736	1.736				1.736	1.736	
26	Lộ Bào Cát - Quang Vinh (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Quang - nhà ông Luôn)	TT Hưng Lợi	2.023	2.023				2.023	2.023	
27	Đường lộ 13-23 (Nối tiếp)	xã Châu Hưng	1.907	1.907				1.907	1.907	
28	Lộ nhà ông Đản - ông Ngoan - ông Ty	xã Vĩnh Thành	2.126	2.126				2.126	2.126	
29	Cầu Mây Dóc	xã Thạnh Trị	2.352	2.352				2.352	2.352	
30	Lộ Cầu Trắng - Lâm Trường	xã Thạnh Tân	680	680				680	680	
31	Cầu Lý Bưởi (nối tiếp cầu chùa đến Sông Lớn)	xã Tuân Tức	2.332	2.332				2.332	2.332	
32	Lộ Mương Điều (Cầu 8 Ta - nhà ông Vọng)	xã Lâm Tân	2.043	2.043				2.043	2.043	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
33	Lộ Kiệt Thắng- Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	2.310	2.310				2.310	2.310	
34	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc	877	877				877	877	02 nguồn vốn
35	Nâng cấp đường dẫn từ Quốc lộ 1A vào công viên	thị trấn Phú Lộc	860	860				860	860	
III	Kế hoạch năm 2023		26.682	26.682	0	1.265	1.264	26.683	26.683	Kế hoạch năm 2023: 23.131 trđ
36	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa ấp, nhà sinh hoạt cộng đồng ấp: - Nhà SHCĐ ấp Trung Thống - Nhà SHCĐ ấp Trung Thành - Nhà SHCĐ ấp Tân Định	xã Tuân Tức	800	800			57	743	743	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
	- Nhà SHCĐ áp Trung Bình	.			.					
37	Lộ cầu Bào Lớn (phía bên sông)	TT Phú Lộc	1.400	1.400			208		1.608	1.608
38	Xây dựng cầu bê tông tuyến kênh Thạnh Điền - Bào Lớn (thay cầu treo)	TT Phú Lộc	1.350	1.350			317		1.667	1.667
39	Lộ kênh Ba Sơn nối tiếp	xã Thạnh Tân	2.250	2.250				97	2.153	2.153
40	Làm bờ kè và nâng cấp láng sân chợ Tuân Tức	xã Tuân Tức	1.000	1.000				35	965	965
41	Cầu 10 Trọc áp 15	xã Vĩnh Lợi	1.155	1.155				36	1.119	1.119
42	Nâng cấp, cải tạo Hội trường Ban thường vụ Huyện ủy và Ban tổ chức Huyện ủy	TT Phú Lộc	1.000	1.000				28	972	972
43	Lộ Kênh Mướp Lớn	xã Thạnh Tân	1.870	1.870				116	1.754	1.754



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
44	Nâng cấp đường, vỉa hè xung quanh công viên cũ	TT Phú Lộc	1.000	1.000			461	539	539	
45	Lộ từ cầu áp 23, Vĩnh Thắng - trường Tiểu học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành	2.340	2.340		740		3.080	3.080	2023-2024
46	Cầu Tà Niên	xã Thạnh Trị	900	900			24	876	876	
47	Lộ Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2 - Quang Vinh	xã Châu Hưng	6.840	6.840				6.840	6.840	2023-2024
48	Cầu Kênh Nhỏ	xã Vĩnh Lợi	477	477			128	349	349	
49	Nâng cấp khu C	TT Phú Lộc	2.100	2.100			2	2.098	2.098	
50	Nâng cấp sân, đường, thoát nước khu A, B trụ sở UBND huyện	TT Phú Lộc	1.100	1.100			107	993	993	
51	Nâng cấp Sân, đường, thoát nước trụ sở Huyện ủy	TT Phú Lộc	1.100	1.100			173	927	927	
IV	Kế hoạch 2024-2025		53.363	53.363	7.250	865	8.116	53.362	53.362	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
52	Lộ tuyến kênh KT13, từ Trần Văn Bảy đến hộ Nguyễn Thanh Hùng	TT Phú Lộc	500	500				500	500	
53	Lộ Phú Tân (làm mới bên trái từ chùa Ông Bồn đến giáp ranh Tuân Túc)	TT Phú Lộc	2.250	2.250				2.250	2.250	
54	Lộ Phú Tân mở rộng (cấp sông bên phải giáp Tuân Túc)	TT Phú Lộc	3.780	3.780				3.780	3.780	
55	Lộ Bào Lớn (làm mới nối tiếp lộ nhà 4 Đẹp)	TT Phú Lộc	750	750				750	750	
56	Cầu Bào Lớn (giáp áp Chắc Đốt)	TT Phú Lộc	0					-	-	Tạm hoãn

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
57	Lộ ấp Số 8 (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Thạch Bịp nhà ông Trương Thanh Phong)	TT Hưng Lợi	2.475	2.475				2.475	2.475	
58	Làm mới lộ ấp Số 8 từ nhà ông Ngô Sang - Danh Hiền (Giáp đình Số 8)	TT Hưng Lợi	2.340	2.340				2.340	2.340	
59	Làm mới lộ cấp kênh Chợ Cũ	TT Hưng Lợi	990	990				990	990	
60	Lộ từ nhà ông Nhơn - nhà ông Ngọ	xã Châu Hưng	3.960	3.960				3.960	3.960	
61	Lộ 10 Điều- ông Chạy, ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	3.150	3.150				3.150	3.150	
62	Lộ Kênh 19/5 - ông được, ấp 11	xã Vĩnh Lợi	3.630	3.630				3.630	3.630	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
63	Lộ Kênh ông tà (4 Hà -2 ần), ấp 16/2	xã Vĩnh Lợi	2.700	2.700				2.700	2.700	
64	Lộ 4 có - 6 Nho, ấp 14	xã Vĩnh Lợi	1.289	1.289				1.289	1.289	
65	Lộ Trường Mẫu giáo cũ nối tiếp ấp 22	xã Vĩnh Thành	3.630	3.630				3.630	3.630	
66	Đường ấp X2 - X7 A nối tiếp (Nhà Út Nghĩa - nhà ông 7 cười)	xã Thạnh Trị	600	600				600	600	
67	Cầu Lung Húc (bề rộng 2m)	xã Thạnh Trị	750	750				750	750	
68	Đường ra trạm bơm kênh ông Chính (kênh 2 Tài)	xã Thạnh Trị	900	900				900	900	
69	Cầu Kênh Xóm Cá	xã Thạnh Trị	900	900				900	900	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
70	Hàng Rào UBND xã (cao 3m)	xã Thạnh Trị	2.080	2.080	.			2.080	2.080	
71	Lộ Kênh 8 Phước	xã Thạnh Tân	1.650	1.650			1.650	-	-	UBND xã đề nghị điều chỉnh thay thế CT Lộ kênh 8 Phước và CT Lộ 9 Sôn: 2.475trđ theo qui mô đề xuất của xã tổng mức đầu tư dự kiến 3.500trđ)
72	Lộ 9 Sôn	xã Thạnh Tân	825	825			825	-	-	
73	Lộ kênh Xóm cá (bên sông)	ấp 21, xã Thạnh Tân			3.500			3.500	3.500	
74	Đường lộ Trung Thống - Phú Giao nối tiếp, Cầu Hai Khai dài 40m	xã Tuân Tức	2.250	2.250				2.250	2.250	
75	Đường cấp sông ấp Trung Bình (từ kênh ông Quyết đến rạch sa keo)	xã Tuân Tức	2.610	2.610			2.610	-	-	Theo đề xuất của UBND xã tại Tờ trình 300/TTr-UBND ngày 06/6/2023.
76	Đường lộ Rạch Chóc nối tiếp	xã Tuân Tức			2.610			2.610	2.610	

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
77	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lùng)	xã Lâm Tân	2.700	2.700		865		3.565	3.565	Theo đề xuất của UBND xã tại Tờ trình 05/TTr-UBND ngày 05/6/2023. Dự kiến tổng mức đầu tư là 3.565trđ.
78	Cầu Ông Thén (đường Sông sakeo)	xã Lâm Tân	1.200	1.200			1.200	-	-	Đã được đầu tư xây dựng từ nguồn xã hội hoá
79	Cầu kênh ông Thái	xã Lâm Tân			1.140			1.140	1.140	Theo đề xuất của UBND xã tại Tờ trình 05/TTr-UBND ngày 05/6/2023. Đề nghị bổ sung thay thế CT Cầu kênh ông Thái
80	Cầu kênh 14/9 (nhà ông Chín Khải)	xã Lâm Tân	2.250	2.250			920	1.330	1.330	Theo đề xuất của UBND xã tại Tờ trình 05/TTr-UBND ngày 05/6/2023. Qui mô: 35m x 3m. Dự kiến tổng mức đầu tư là: 1.330trđ.

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
81	Lộ Liên ấp Kiết Bình-Kiết Thống	xã Lâm Kiết	3.204	3.204			911	2.293	2.293	02 nguồn vốn (Theo đề xuất của UBND xã qui mô đầu tư là 3.100m x 3m. 02 cầu trên tuyến 20m x 3m)
*	Vốn thu tiền sử dụng đất		17.400	17.400	226	0	226	17.400	17.400	
I	Kế hoạch năm 2021		1.200	1.200	0	0	0	1.200	1.200	
1	Lộ 14/9 (bên sông), xã Thạnh Tân	xã Thạnh Tân	1.200	1.200				1.200	1.200	
II	Kế hoạch năm 2022		2.400	2.400		0	0	2.400	2.400	
1	Lộ Cầu Chùa đến Sông Lớn (nối tiếp)	xã Tuân Tức	1.287	1.287				1.287	1.287	
2	Cầu Lộ 14/9 (bên sông)	xã Thạnh Tân	990	990				990	990	
3	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc	123	123				123	123	02 nguồn vốn

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
III	Kế hoạch năm 2023	.	3.000	3.000	226	0	226	3.000	3.000	
1	Bờ kè xã Vĩnh Thành	xã Vĩnh Thành	1.000	1.000			3	997	997	
2	Nâng cấp Đường 30/4 và cải tạo một số tuyến đường chợ thị trấn Phú Lộc	TT Phú Lộc	2.000	2.000			223	1.777	1.777	
3	Xây dựng cầu bê tông tuyến kênh Thạnh Điền - Bào Lớn (thay cầu treo)	TT Phú Lộc	0		226			226	226	02 nguồn : Thu tiền sử dụng đất 226 triệu
IV	Kế hoạch năm 2024-2025		10.800	10.800		-	-	10.800	10.800	-
1	Mở rộng lộ Tám Dững ấp 3	TT Phú Lộc	1.200	1.200				1.200	1.200	
2	Lộ Bình Thới	xã Châu Hưng	2.520	2.520				2.520	2.520	
3	Lộ Kim Cửa - trường học Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thành	1.479	1.479				1.479	1.479	



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025 tại NQ 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 và NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Bổ sung	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)			
4	Đường Kênh Xóm Cá B (Nhà Thây Thảo bên sông) (bề rộng 2m)	xã Thạnh Trị	600	600				600	600	
5	Lộ Liên ấp Kiết Bình-Kiết Thổng	xã Lâm Kiết	5.001	5.001				5.001	5.001	02 nguồn vốn



CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN ĐỐI ƯNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số *M...*/NQ-HĐND ngày *50.../6/2023* của Hội đồng nhân dân huyện Thạnh Trị)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tăng		Giảm		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	
			NSTW	NSDP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ	53.767,796	49.232,265	4.535,531	1.519,453	188,724	1.519,453	188,724	53.767,796	4.535,531	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	23.528,078	21.741,098	1.786,980	0,000	0,000	0,000	0,000	23.528,078	1.786,980	
1	Hỗ trợ đất ở	2.390,690	2.173,355	217,335					2.390,690	217,335	
2	Hỗ trợ nhà ở	17.266,099	15.696,454	1.569,645					17.266,099	1.569,645	
3	Hỗ trợ đất sản xuất	3.871,289	3.871,289	-					3.871,289	-	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30.239,718	27.491,167	2.748,551	1.519,453	188,724	1.519,453	188,724	30.239,718	2.748,551	

ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tăng		Giảm		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	
			NSTW	NSDP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30.239,718	27.491,167	2.748,551	1.519,453	188,724	1.519,453	188,724	30.239,718	2.748,551	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn	30.239,718	27.491,167	2.748,551	1.519,453	188,724	1.519,453	188,724	30.239,718	2.748,551	
	Năm 2022	5.815,962	5.287,238	528,724	0,000	0,000	0,000	0,000	5.415,852	492,350	
1	Cầu Kênh Thầy 9	845,000	768,182	76,818	-	-	-	-	845,000	76,818	
2	Cầu Ông Ngọn	845,000	768,182	76,818	-	-	-	-	845,000	76,818	
3	Cầu ông Kha Mét	845,000	768,182	76,818	-	-	-	-	845,000	76,818	
4	Cầu Kênh nhà ông Thại	704,649	640,590	64,059	-	-	-	-	704,649	64,059	
5	Lộ ấp Giồng Chùa (Từ cầu Chùa - nhà Lý Sương)	260,000	236,363	23,637	-	-	-	-	260,000	23,637	
6	Lộ ấp Số 8 (Nhà ông Thạch Lện - Nhà Lâm Sơn)	1.560,000	1.418,182	141,818	-	-	-	-	1.560,000	141,818	
7	Cầu Kênh 8 Phước	756,313	687,557	68,756	-	-	-	-	356,203	32,382	2022-2023
	Năm 2023	7.238,000	6.580,001	657,999	13,337	13,337	56,453	56,453	7.163,837	651,257	
	Cầu Kênh 8 Phước				-	-	-	-	400,110	36,374	2022-2023
8	Lộ Thạch Kỳ	1.980,000	1.800,000	180,000	-	-	6,302	6,302	1.973,698	173,698	



ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tăng		Giảm		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	
			NSTW	NSDP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	Lộ Xóm Trong	700,000	636,364	63,636	-	-	33,027	33,027	666,973	30,609	
10	Cầu Kênh Kiết Lợi	535,000	486,364	48,636	-	-	2,263	2,263	532,737	46,373	
11	Lộ ấp Số 8 (Nhà ông Liêu Sơn - nhà ông Trần Đực)	1.848,000	1.680,000	168,000	-	-	9,792	9,792	1.838,208	158,208	
12	Lộ ấp Số 9 (Từ cầu Thủ Mộ - nhà ông Danh Thành)	1.320,000	1.200,000	120,000	-	-	5,069	5,069	1.314,931	114,931	
13	Cầu Kênh ranh Kinh Ngay 2 - 23	855,000	777,273	77,727	13,337	13,337	-	-	437,180	91,064	2023-2024
	Năm 2024-2025	17.185,756	15.623,928	1.561,828	1.506,116	175,387	1.463,000	132,271	17.660,029	1.604,944	
	Cầu Kênh ranh Kinh Ngay 2 - 23				-	-	-	-	431,157	-	2023-2024
14	Cầu Kênh 10 thước 1	855,000	777,270	77,730	285,000	26,270	-	-	1.140,000	104,000	
15	Cầu Kênh Huyện Tự	855,000	777,273	77,727	95,000	8,673	-	-	950,000	86,400	
16	Lộ Trung Thống - Tân Định	3.300,000	3.000,000	300,000	-	-	240,000	22,000	3.060,000	278,000	
17	Lộ ấp Kinh Ngay 1 (Từ nhà bà Lệ - giáp ấp Kinh Ngay 2)	2.690,000	2.445,455	244,545	-	-	800,000	72,545	1.890,000	172,000	
18	Lộ Kênh Ba Huê	1.716,000	1.560,000	156,000	414,772	69,444	-	-	2.130,772	225,444	



ST T	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ 15/NQ-HĐND ngày 28/10/2022			Dự kiến điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn năm 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tăng		Giảm		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	
			NSTW	NSDP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách huyện			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	Lộ Kênh ông Cua	1.452,000	1.320,000	132,000	246,000	28,000	-		1.698,000	160,000	
20	Cầu Kênh nhà ông Út Em	660,000	600,000	60,000	-		90,000	8,000	570,000	52,000	
21	Lộ áp Số 9 (Nhà ông Lưu Văn Giàng - nhà ông Thạch Tròn)	360,000	327,274	32,726	-		113,000	9,726	247,000	23,000	
22	Lộ áp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Mừng)	3.404,656	3.095,656	309,000	465,344	43,000	-		3.870,000	352,000	
23	Lộ và cống thoát nước Hèm 12 nối tiếp	1.893,100	1.721,000	172,100	-		220,000	20,000	1.673,100	152,100	